

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO KHÁNH HÒA

SỔ GHI ĐIỂM
CỦA GIÁO VIÊN

Họ và tên giáo viên: Lưu Thị Phương Thủy

Môn học: Tiếng Anh

Trường: Trường THPT Đoàn Thị Điểm

NĂM HỌC 2020-2021

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO KHÁNH HÒA

SỔ GHI ĐIỂM
CỦA GIÁO VIÊN

Họ và tên giáo viên: Lưu Thị Phương Thủy

Môn học: Tiếng Anh

Lớp giảng dạy: 10A4, 10A5, 12C5, 12C6

Trường: Trường THPT Đoàn Thị Điểm

NĂM HỌC 2020-2021

LỚP: 10A4

MÔN: TIẾNG ANH

HỌC KỲ I

Số TT	Họ và tên học sinh	Điểm HS I (hoặc xếp loại KT TX)						Điểm HS II (hoặc xếp loại KT định kỳ)						ĐKT hk (hoặc XL)	TBm (hoặc XL)	Ghi chú
		M			V											
1	Lê Quốc Bảo															
2	Lộc Như Ngọc Thanh Bình															
3	Nguyễn Thanh Bình															
4	Trần Thành Đạt															
5	Vũ Diệu Hồng Hạnh															
6	Phạm Thị Thanh Hậu															
7	Võ Trung Hoài															
8	Trần Thị Mỹ Hoàng															
9	Trần Huy Hùng															
10	Nguyễn Nhật Huy															
11	Trương Đức Huy															
12	Nguyễn Tấn Khiêm															
13	Lê Lai															
14	Lê Ngọc Khánh Liễu															
15	Vũ Tiến Long															
16	Trần Thị Ngọc Ly															
17	Trịnh Thị Xuân Mai															
18	Huỳnh Tuấn Minh															
19	Nguyễn Anh Minh															
20	Ngô Nguyễn Quỳnh Nga															
21	Tạ Thị Thúy Nga															
22	Nguyễn Thị Bích Ngọc															
23	Nguyễn Bảo Nguyên															
24	Đỗ Phương Ái Nhi															
25	Nguyễn Hoàng Phương Nhiên															
26	Võ Ngọc Ý Như															
27	Phạm Xuân Phong															
28	Trịnh Minh Phúc															
29	Dương Minh Phước															
30	Quách Thị Ngọc Phượng															
31	Thái Thị Lệ Quyên															
32	Phan Trần Thịnh															
33	Nguyễn Trương Thương Thương															
34	Nguyễn Thị Thùy Tiên															
35	Phan Đăng Anh Tiến															
36	Nguyễn Ngọc Thùy Trang															
37	Nguyễn Thị Thu Trang															
38	Trần Thị Ngọc Trang															
39	Bùi Thị Thanh Trúc															
40	Trần Mạnh Tường															
41	Nguyễn Quốc Xuân															
42	Trần Thị Như Ý															

Số học sinh đạt HKI (Số học sinh - tỷ lệ %)

- Giỏi: 0 - 0%

- Yếu: 0 - 0%

- Khá: 0 - 0%

- Kém: 0 - 0%

- Trung bình: 0 - 0%

LỚP: 10A5

MÔN: TIẾNG ANH

HỌC KỲ I

Số TT	Họ và tên học sinh	Điểm HS I (hoặc xếp loại KT TX)				Điểm HS II (hoặc xếp loại KT định kỳ)				ĐKT hk (hoặc XL)	TBm (hoặc XL)	Ghi chú
		M		V								
1	Trần Tất An											
2	Đỗ Trâm Anh											
3	Lê Mai Anh											
4	Nguyễn Thị Mai Anh											
5	Trần Anh Hữu Bằng											
6	Trần Khánh Dương											
7	Thái Tấn Đạt											
8	Lê Ngọc Thịnh Gia											
9	Chế Minh Hải											
10	Lê Trung Hiếu											
11	Nguyễn Nhật Hoa											
12	Lê Minh Huy											
13	Trần Tuấn Khang											
14	Tạ Đình Khánh											
15	Nguyễn Vũ Anh Khoa											
16	Đặng Trần Kiều Lam											
17	Dương Thành Lộc											
18	Hoàng Xuân Minh											
19	Nguyễn Ngọc Diễm My											
20	Lê Thị Mỹ Ngân											
21	Nguyễn Thị Yến Nhi											
22	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như											
23	Nguyễn Lâm Phi											
24	Phan Nhật Phong											
25	Trương Thị Mỹ Phương											
26	Võ Lê Mai Quyên											
27	Võ Thái Sơn											
28	Hoàng Nam Thanh Tâm											
29	Đỗ Phạm Minh Thông											
30	Nguyễn Thị Minh Thư											
31	Nguyễn Đình Tiến											
32	Cao Thị Ngọc Trâm											
33	Nguyễn Minh Huyền Trâm											
34	Nguyễn Thị Kim Trinh											
35	Mang Văn Trọng											
36	Nguyễn Thị Thanh Trúc											
37	Nguyễn Xuân Trường											
38	Nguyễn Thành Viên Uyên											
39	Phùng Trương Hải Văn											
40	Võ Khánh Việt											
41	Huỳnh Trần Phúc Vinh											
42	Nguyễn Duy Vinh											

Số học sinh đạt HKI (Số học sinh - tỷ lệ %)

- Giỏi: 0 - 0%	- Yếu: 0 - 0%
- Khá: 0 - 0%	- Kém: 0 - 0%
- Trung bình: 0 - 0%	

LỚP: 12C5

MÔN: TIẾNG ANH

HỌC KỲ I

Số TT	Họ và tên học sinh	Điểm HS I (hoặc xếp loại KT TX)				Điểm HS II (hoặc xếp loại KT định kỳ)				ĐKT hk (hoặc XL)	TBm (hoặc XL)	Ghi chú
		M		V								
1	Nguyễn Ngọc Lan Anh											
2	Đinh Ngọc Linh Chi											
3	Trương Minh Chiến											
4	Trần Đoàn Giang											
5	Lê Văn Hiên											
6	Trần Ngọc Hoài											
7	Nguyễn Đỗ Thanh Huyền											
8	Nguyễn Ngọc Huyền											
9	Đào Thị Thu Hương											
10	Nguyễn Thị Trúc Linh											
11	Vũ Hoàng Khánh Linh											
12	Lê Văn Long											
13	Nguyễn Phi Long											
14	Nguyễn Thị Trà My											
15	Nguyễn Thị Kim Ngân											
16	Nguyễn Thị Kim Ngân											
17	Thái Thị Diệu Ngân											
18	Vũ Huỳnh Bích Ngọc											
19	Nguyễn Ngọc Nhớ											
20	Mai Anh Phi											
21	Dương Ngọc Song Quyên											
22	Nguyễn Trần Lê Quyên											
23	Nguyễn Cao Sang											
24	Thái Xuân Sang											
25	Phạm Văn Tín Thành											
26	Lê Như Thoa											
27	Nguyễn Thị Thu Thủy											
28	Đào Thị Thanh Thủy											
29	Phạm Thị Thu Trang											
30	Nguyễn Thị Bích Trâm											
31	Nguyễn Vũ Bảo Trâm											
32	Nguyễn Thị Lệ Trinh											
33	Nguyễn Thị Ngọc Trinh											
34	Nguyễn Trịnh Đức Trí											
35	Lê Anh Trọng											
36	Trần Bảo Trung											
37	Nguyễn Trọng Tuấn											
38	Trương Thị Mỹ Vân											
39	Huỳnh Thị Kim Yến											
40	Mang Thị Diệu											
41	Võ Thị Mỹ Diệu											
42	Thân Thái Đạt											
43	Trần Tiến Đức											
44	Nguyễn Thị Thủy Dương											
Số học sinh đạt HKI (Số học sinh - tỷ lệ %)												
- Giỏi: 0 - 0%												
- Khá: 0 - 0%												
- Trung bình: 0 - 0%												
- Yếu: 0 - 0%												
- Kém: 0 - 0%												

LỚP: 12C6**MÔN: TIẾNG ANH****HỌC KỲ I**

Số TT	Họ và tên học sinh	Điểm HS I (hoặc xếp loại KT TX)						Điểm HS II (hoặc xếp loại KT định kỳ)						ĐKT hk (hoặc XL)	TBm (hoặc XL)	Ghi chú
		M			V											
1	Trần Thanh An															
2	Võ Hoàng Vân Anh															
3	Trương Thế Bảo															
4	Lê Hưng Chung															
5	Mang Thị Tuyết Diệu															
6	Nguyễn Phúc Duy															
7	Nguyễn Nguyễn Quốc Dũng															
8	Phạm Quỳnh Đức															
9	Phan Thị Khánh Giang															
10	Phạm Thanh Phương Hằng															
11	Trương Thị Khánh Hằng															
12	Đặng Thị Gia Hân															
13	Võ Ngọc Gia Hân															
14	Nguyễn Thị Kim Hiền															
15	Nguyễn Thị Thu Hiền															
16	Nguyễn Hằng Đức Hòa															
17	Phan Nguyễn Nhật Học															
18	Phan Quốc Huy															
19	Ngô Nguyễn Ngọc Huyền															
20	Nguyễn Quốc Khải															
21	Cao Thị Ky															
22	Nguyễn Trần Nhật Lệ															
23	Nguyễn Thị Kim Liên															
24	Mã Thạch Lực															
25	Nguyễn Công Minh															
26	Nguyễn Thị Thanh Na															
27	Huỳnh Kim Ngân															
28	Nguyễn Ngọc Nhi															
29	Nguyễn Thị Hồng Phúc															
30	Trần Ngọc Phúc															
31	Nguyễn Ngọc Thảo Quyên															
32	Võ Ngọc Như Quỳnh															
33	Nguyễn Thị Quý															
34	Nguyễn Văn Thành															
35	Nguyễn Thị Thu Thảo															
36	Võ Thị Thu Thảo															
37	Thái Thu															
38	Trần Quang Trường															
39	Đỗ Hoàng Thu Vân															
40	Trần Nhật Vy															
41	Nguyễn Thị Thanh Ngân															
42	Lương Đức Anh															
43	Võ Ngọc Hiệp															
44	Nông Đức Thiện															

Số học sinh đạt HKI (Số học sinh - tỷ lệ %)

- Giỏi: 0 - 0%

- Yếu: 0 - 0%

- Khá: 0 - 0%

- Kém: 0 - 0%

- Trung bình: 0 - 0%



